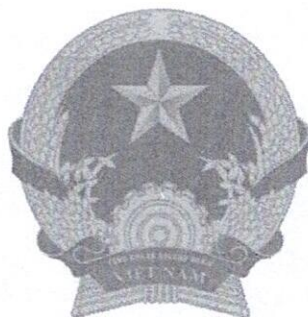


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỀ N Sô: 3587.....

Ngày: 8/6/20



GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

SỐ 22/GP - UBND

Ngày cấp 28 - 5 - 2020

Số: 22 /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 5 năm 2020

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư số 26/2007/TT-BTNMT ngày 31/12/2007 quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ đá cacbonat;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"; Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 về việc phê duyệt bổ sung 04 mỏ khoáng sản mới và diện tích mở rộng 02 mỏ đã cấp phép làm VLXDĐT vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Thực hiện Văn bản số 1260-TB/TU ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Thường trực Tỉnh uỷ về Chủ trương một số dự án đầu tư;

Xét hồ sơ và Đơn xin thăm dò khoáng sản ngày 15/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Long (địa chỉ: Tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) và Biên bản số 03/BB-HĐTD ngày 21/5/2020 của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò mở rộng mỏ đá vôi Đội 1, tổ dân phố An Định, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 175/TTr-STNMT ngày 26/5/2020 về việc đề nghị cấp Giấy phép thăm dò mở rộng mỏ đá vôi Đội 1, tổ dân phố An Đình, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Long được thăm dò mở rộng mỏ đá vôi Đội 1, tổ dân phố An Đình, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang làm VLXDĐT;

1. Diện tích khu vực thăm dò là 3,04 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 kèm theo (Phụ lục số 2).

2. Thời gian thăm dò: 04 (bốn) tháng kể từ ngày cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Khối lượng thăm dò chủ yếu: theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thăm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua (Phụ lục 3).

4. Chi phí thăm dò dự kiến: 582.628.000 đồng, bằng vốn tự có hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Long.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Long có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện thăm dò khoáng sản theo phương pháp, khối lượng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy (tài liệu gốc), tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian thi công các hạng mục công trình thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.


5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng của tỉnh Tuyên Quang và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Mọi hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này chỉ được phép thực hiện sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Long đã thông báo chương trình, khối lượng của Đề án thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp kiểm tra, xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới công trình thăm dò tại thực địa.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; hướng dẫn, kiểm tra Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Long trong quá trình tổ chức thăm dò khoáng sản nêu tại Điều 1 Giấy phép này, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.


Nơi nhận. 

- Công ty TNHH Thành Long (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKS tỉnh (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- Công an tỉnh (bản sao);
- UBND huyện Sơn Dương (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ 3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thực



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 22 /GP-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Vị trí, diện tích	Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
S = 3,04 ha	1	²³ 99.907	⁴ 39.626
	2	²³ 99.947	⁴ 39.595
	3	²³ 99.791	⁴ 39.398
	4	²³ 99.680	⁴ 39.481
	5	²³ 99.805	⁴ 39.639
	6	²³ 99.878	⁴ 39.585

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

Phụ lục 3

KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THẨM DÒ CHỦ YẾU

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Công tác trắc địa			
1.1	Mua mốc địa chính	mốc	2	
1.2	Thành lập lưới giải tích	Điểm	2	
1.3	Thành lập đường sườn kinh vĩ trực tiếp	km	0,65	
1.4	Thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 2.000 (h=2m)	Km ²	0,0304	
1.5	Đưa công trình chủ yếu ra thực địa	Điểm	8	
1.6	Đưa công trình chủ yếu vào bản đồ	Điểm	2	
1.7	Đưa công trình thứ yếu vào bản đồ	Điểm	7	
1.8	Đo vẽ mặt cắt địa hình, tỷ lệ 1/2.000	km	0,33	
2	Chỉnh lý bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.0000			
2.1	Công tác thực địa (loại TB)	ha	3,04	
2.2	Công tác văn phòng (loại TB)	ha	3,04	
3	Công tác thi công công trình khai đào			
3.1	Thi công công trình vét lộ	m ³	25	
3.2	Công tác khoan thăm dò	m	122	
4	Công tác ĐCTV - ĐCCT			
4.1	Quan trắc nước dưới đất	lần	5	
4.2	Quan trắc nước mặt	lần	5	
5	Công tác lấy mẫu			
5.1	Lấy mẫu rãnh	Mẫu	14	
5.2	Lấy mẫu lõi khoan	Mẫu	16	
5.3	Lấy mẫu nước	Mẫu	2	
5.4	Lấy mẫu cơ lý đá	Mẫu	6	
5.5	Lấy mẫu mài mòn trong tang quay	Mẫu	4	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
5.6	Lấy mẫu bám dính nhựa đường	Mẫu	4	
5.7	Lấy mẫu phóng xạ	Mẫu	3	
5.8	Lấy mẫu thạch học	Mẫu	4	
5.9	Lấy mẫu thể trọng	Mẫu	4	
6	Gia công mẫu			
6.1	Gia công mẫu hóa cơ bản	Mẫu	30	
6.2	Gia công mẫu thạch học	Mẫu	3	
7	Phân tích mẫu			
7.1	Hoá cơ bản (4CT)	Mẫu	30	
7.2	Hoá toàn diện (9CT)	Mẫu	4	
7.3	Mẫu cơ lý	Mẫu	6	
7.4	Phân tích hoá mẫu nước	Mẫu	2	
7.5	Mẫu mài mòn trong tang quay	Mẫu	4	
7.6	Mẫu bám dính nhựa đường	Mẫu	4	
7.7	Mẫu phóng xạ	Mẫu	3	
7.8	Mẫu thạch học	Mẫu	4	
7.9	Mẫu thể trọng	Mẫu	4	
8	Công tác lập báo cáo tổng kết	bộ	01	